

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27-02-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thiện

Ông Nguyễn Văn Kiểm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: thôn K, xã P (nay là L), huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* anh Trần Văn K, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn K, xã P (nay là L), huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 27/11/2024, Bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Trần Văn K kết hôn tháng 02 năm 2013, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn K. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, anh K hay uống rượu say về đánh, chửi chị. Gia đình và địa phương đã nhiều lần tổ chức hoà giải để khuyên anh K nhưng anh K không thay đổi. Từ tháng 8 năm 2024, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 13/01/2014, hiện cháu T đang ở với chị, vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị M vắng mặt.

* Tại biên bản ghi ý kiến của anh Trần Văn K trình bày:

Anh và chị M kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là UBND xã L), huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn K. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Từ năm 2023 do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị M đã về nhà anh trai của chị M sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: anh và chị M có con chung 01 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 13/01/2014, hiện con chung đang ở với chị M, vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị M nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh K vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần Văn K.

Về con chung: giao cho chị M nuôi dưỡng con chung là Trần Văn T, sinh ngày 13/01/2014.

Về án phí: chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh Trần Văn K có nơi thường trú tại thôn K, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án,

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M, anh Trần Văn K vắng mặt nhưng chị M có đơn xin vắng mặt, anh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị M và anh K kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã L), huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Từ năm 2023, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh K. Anh K đồng ý ly hôn với chị M. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương cho biết anh Trần Văn K kết hôn với chị Nguyễn Thị M năm 2013. Quá trình chung sống, vợ chồng chị M, anh K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đánh, cãi nhau, địa phương nhiều lần hoà giải nhưng anh K không thay đổi. Năm 2023, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị M đã về ở nhà anh trai của chị M. Đến nay, chị M xin ly hôn anh K đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy, chị M và anh K đã sống ly thân, anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị M được ly hôn anh K là phù hợp.

[3] Về con chung: chị M và anh K có 01 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 13/01/2014. Vợ chồng ly hôn, chị M xin được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy: chị M và anh K có 01 con chung chưa thành niên, chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T. Anh K đồng ý để cho chị M nuôi cháu T. Hiện nay anh K sức khỏe yếu, chị M hiện làm công nhân có thu nhập ổn định nên đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại Bản tự khai cháu T có nguyện vọng được ở với chị M nên cần giao cho chị M nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị M, anh K không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần Văn K.
2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị M nuôi con chung là Trần Văn T, sinh ngày 13/01/2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003297 ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Lam Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh